

KNOWLEDGE ABOUT CHILD SEXUAL ABUSE OF STUDENTS AT TAM THANH SECONDARY SCHOOL, VU BAN, NINH BÌNH PROVINCE

Nguyen Thi Hai Ha*, Mai Thi Thu Hang

Nam Dinh University of Nursing

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	09/4/2025	This study was conducted to investigate the knowledge of child sexual abuse among students aged 12–15 at Tam Thanh Secondary School, Vu Ban commune, Ninh Binh province. A cross-sectional descriptive method was applied to a sample of 326 students, conducted from March 2022 to June 2022. The results showed that knowledge of child sexual abuse behaviors ranged from 39.3% to 96.7%, with the behavior “inserting a penis, finger, or object into a child’s vagina, anus, or mouth for sexual purposes” being the most recognized by students (96.7%). Approximately 83.4% of students believed that perpetrators of child sexual abuse were mostly strangers or newly acquainted individuals. A majority (91.7%) agreed that the primary victims of sexual abuse were girls. Students’ knowledge of how to respond to sexual abuse was relatively high, with at least 52% answering correctly. Research indicates the need to strengthen comprehensive sex education for children, as only 54.2% of the study participants were aware of indirect sexual abuse behaviors, and just 31.3% recognized that all children are at risk of being abused. These findings serve as a basis for schools to develop content addressing the risks and preventive measures against child sexual abuse.
Revised:	14/8/2025	
Published:	14/8/2025	
KEYWORDS		
Sexual abuse		
Child		
Knowledge		
Students		
Secondary school		

KIẾN THỨC VỀ XÂM HẠI TÌNH DỤC TRẺ EM CỦA HỌC SINH TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TAM THANH, VỤ BẢN, TỈNH NINH BÌNH

Nguyễn Thị Hải Hà*, Mai Thị Thu Hằng

Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	09/4/2025	Nghiên cứu này được thực hiện nhằm tìm hiểu kiến thức về xâm hại tình dục trẻ em của học sinh ở độ tuổi từ 12-15 tại Trường trung học cơ sở Tam Thanh, xã Vụ Bản, tỉnh Ninh Bình. Phương pháp nghiên cứu mô tả cắt ngang được thực hiện trên 326 học sinh trong thời gian từ tháng 3/2022 đến tháng 6/2022. Kết quả cho thấy, kiến thức về các hành vi xâm hại tình dục trẻ em chiếm tỉ lệ từ 39,3% đến 96,7%, trong đó hành vi “Đưa dương vật, ngón tay hoặc đồ vật vào âm đạo, hậu môn hay miệng của em với mục đích tình dục” được học sinh biết đến nhiều nhất (96,7%). Có 83,4% học sinh cho rằng thủ phạm xâm hại tình dục trẻ em đa số là người lạ hoặc người mới quen. Phần lớn các em (91,7%) đồng ý những đối tượng bị xâm hại tình dục chủ yếu chỉ là các bé gái. Kiến thức của học sinh về ứng phó khi xâm hại tình dục đạt kết quả cao từ 52% trở lên. Nghiên cứu cho thấy cần tăng cường giáo dục giới tính toàn diện cho trẻ em khi chỉ có 54,2% đối tượng nghiên cứu biết đến những hành vi xâm hại tình dục gián tiếp và 31,3% nhận thức được tất cả trẻ em đều có nguy cơ bị xâm hại. Kết quả nghiên cứu là cơ sở giúp nhà trường xây dựng nội dung về những nguy cơ, giải pháp giúp phòng ngừa xâm hại tình dục trẻ em.
Ngày hoàn thiện:	14/8/2025	
Ngày đăng:	14/8/2025	
TỪ KHÓA		
Xâm hại tình dục		
Trẻ em		
Kiến thức		
Học sinh		
Trung học cơ sở		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.12525>

* Corresponding author. Email: nguyenhaiha@ndun.edu.vn

1. Đặt vấn đề

Xâm hại tình dục (XHTD) trẻ em hiện đang là vấn đề nghiêm trọng cần được quan tâm của gia đình, nhà trường và xã hội. Theo UNICEF, “Xâm hại tình dục trẻ em là mọi hành vi lôi kéo trẻ vào các hoạt động liên quan đến tình dục, mà trẻ không đủ khả năng hoặc không hiểu, hoặc không đủ tâm thế để đưa ra quyết định đối với các hành vi này, hoặc các hành vi đó vi phạm đến luật pháp hay các giá trị văn hóa của cộng đồng sở tại” [1]. Antonio Piolanti [2], khi tổng hợp 165 nghiên cứu gồm 958.182 trẻ em từ 80 quốc gia trên thế giới, cho thấy 6,1% trẻ em đã trải qua hành vi xâm hại tình dục cưỡng bức trong suốt cuộc đời, trong đó tỷ lệ bé gái bị xâm hại tình dục (6,8%) cao hơn so với bé trai (3,3%) và tỷ lệ này thấp nhất ở châu Âu (9,2%) và cao nhất ở châu Phi (34,4%). Theo báo cáo của các cơ quan chức năng, từ năm 2015 đến năm 2021, trên toàn quốc đã xảy ra 6.364 vụ xâm hại tình dục, 6.432 nạn nhân [3]. Đối tượng bị XHTD không đơn thuần chỉ là các bé gái mà hiện nay tỉ lệ các bé trai bị XHTD đang gia tăng. Số liệu thống kê của Tổng cục Cảnh sát, Bộ Công an cho thấy trong 1.000 vụ xâm hại tình dục, có tới 65% nạn nhân là trẻ em, chủ yếu là trẻ em gái, độ tuổi từ 12- 15 tuổi [4]. Tuy nhiên nghiên cứu của Phạm Xuân Thông [5] tại thành phố Nha Trang cho thấy đối tượng bị XHTD là trẻ em nam còn cao hơn so với trẻ em nữ. XHTD trẻ em không chỉ qua những hành vi tiếp xúc với thân thể của trẻ mà hiện nay với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin thì XHTD trẻ em qua mạng Internet đang có xu hướng ngày càng gia tăng [6]. Thủ phạm XHTD có thể là bất cứ ai, có thể là người lạ, có thể là người thân trong gia đình, hàng xóm, bạn bè, thầy/cô trong trường - lợi dụng mối quan hệ gần gũi với gia đình trẻ em để thực hiện hành vi xâm hại. Nghiên cứu của Nguyễn Thị Hoàng Ngân [7] tại Hà Nội cho thấy 56,5% học sinh cho rằng thủ phạm XHTD thường là người lạ, và 80,5% học sinh nghĩ rằng chỉ có bạn nữ là nạn nhân của XHTD. Hậu quả XHTD trẻ em rất nặng nề, là những tổn thất về thể chất, về tinh thần, là những ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển lâu dài của trẻ, thậm chí có thể hủy hoại cuộc sống của các em, do vậy việc giáo dục kiến thức, kỹ năng và thái độ trong phòng, chống XHTD cho học sinh là một trong những hoạt động rất quan trọng đối với cha mẹ học sinh, thầy/cô, nhà trường và toàn xã hội [8]. Từ thực tiễn đó, chúng tôi tiến hành khảo sát kiến thức về xâm hại tình dục trẻ em của học sinh trường trung học cơ sở (THCS) Tam Thanh, Vụ Bản, tỉnh Ninh Bình nhằm đánh giá thực trạng nhận thức của các em về vấn đề này.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu (ĐTNC) là học sinh khối 6, 7, 8, 9 đang theo học tại Trường THCS Tam Thanh, xã Vụ Bản, tỉnh Ninh Bình.

Tiêu chuẩn lựa chọn: Chọn toàn bộ học sinh khối 6, 7, 8, 9 đang theo học tại Trường THCS Tam Thanh. Tổng số có 326 học sinh tham gia nghiên cứu.

Tiêu chuẩn loại trừ: Đối tượng có vấn đề về sức khỏe không thể tự trả lời câu hỏi nghiên cứu hoặc không đồng ý tham gia trả lời nghiên cứu.

2.2. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp mô tả cắt ngang.

2.3. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện tại Trường THCS Tam Thanh - xã Vụ Bản - tỉnh Ninh Bình trong khoảng thời gian từ tháng 3/2022 đến tháng 6/2022.

2.4. Công cụ và phương pháp thu thập số liệu

Bộ công cụ là phiếu phỏng vấn tự điền. Bộ phiếu được thiết kế dựa trên tài liệu “*Hướng dẫn phòng chống xâm hại tình dục trẻ em*”, tài liệu dành cho học sinh trung học cơ sở của Lê Thị Thùy Dương và cộng sự [9].

Nghiên cứu viên đến từng lớp phát phiếu cho học sinh đồng ý tham gia nghiên cứu. Trước khi trả lời, học sinh được hướng dẫn đọc kỹ phần hướng dẫn ghi trên phiếu, sau đó trả lời các câu hỏi và đánh dấu vào ô lựa chọn phù hợp với ý kiến cá nhân. Sau khi hoàn thành, học sinh nộp lại phiếu cho nghiên cứu viên. Nghiên cứu viên kiểm tra sơ bộ để đảm bảo các câu hỏi đã được đánh dấu đầy đủ.

2.5. Xử lý và phân tích số liệu: Loại bỏ những phiếu không trả lời đầy đủ các câu hỏi. Tổng số phiếu hợp lệ là 326 phiếu. Số liệu được nhập và xử lý bằng phần mềm Microsoft Excel.

2.6. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện đối với học sinh đồng ý tham gia nghiên cứu. Nghiên cứu viên giải thích cho học sinh biết mục đích đề tài chỉ phục vụ cho mục tiêu nghiên cứu và cam kết không để lộ thông tin cá nhân cho người khác biết. Học sinh có thể từ chối và dừng tham gia nghiên cứu bất cứ lúc nào. Nghiên cứu đã được tiến hành dưới sự đồng ý của Hiệu trưởng nhà trường nơi lấy số liệu.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu được thực hiện trên 326 học sinh từ lớp 6 đến lớp 9 của Trường THCS Tam Thanh. Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu được trình bày trong Bảng 1.

Bảng 1. Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu (n = 326)

Thông tin chung		Nam		Nữ		Tổng	
		n	%	n	%	n	%
Tuổi	12	42	23,1	33	22,9	75	23
	13	44	24,2	39	27,1	83	25,5
	14	53	29,1	37	25,7	90	27,6
	15	43	23,6	35	24,3	78	23,9
Tổng		182	100%	144	100%	326	100%

Kết quả ở Bảng 1 cho thấy trong số 326 học sinh tham gia nghiên cứu có 182 học sinh nam và 144 học sinh nữ. Trong đó 27,6% học sinh ở độ tuổi 14 chiếm tỉ lệ cao nhất, sau đó đến độ tuổi 13, 15 và cuối cùng là 12 tuổi. Tỉ lệ học sinh nam ở các độ tuổi cao hơn so với tỉ lệ học sinh nữ.

3.2. Kiến thức của học sinh về xâm hại tình dục trẻ em

3.2.1. Kiến thức của học sinh về các hành vi xâm hại tình dục trẻ em

Kiến thức của học sinh về những hành vi xâm hại tình dục trẻ em được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Kiến thức của đối tượng nghiên cứu về các hành vi xâm hại tình dục trẻ em (n=326)

Nội dung	n	%
I. Các hành vi động chạm (xâm hại tình dục trực tiếp)		
1. Hôn hít, sờ mó vào ngực hay bộ phận sinh dục của trẻ	291	89,3
2. Yêu cầu em sờ, chạm vào bộ phận sinh dục của người đó	289	88,7
3. Đưa dương vật, ngón tay hoặc đồ vật vào âm đạo, hậu môn hay miệng của em với mục đích tình dục	315	96,7
II. Các hành vi không động chạm (xâm hại tình dục gián tiếp)		
1. Trêu chọc trẻ bằng lời nói có hơi hướng tình dục một cách quá đáng	128	39,3
2. Cho trẻ xem phim khiêu dâm hoặc kể chuyện về tình dục cho trẻ nghe	200	61,3
3. Cố tình phơi bày vùng kín của người lớn cho trẻ nhìn thấy	193	59,2
4. Dụ dỗ/lừa trẻ khỏa thân hoặc tạo dáng ở những tư thế nhạy cảm để chụp ảnh	196	60,1
5. Rình xem trộm trẻ tắm hay thay quần áo	157	48,2
6. Ép buộc trẻ phô bày cơ thể hoặc bộ phận sinh dục trước người khác	185	56,8

Kết quả về kiến thức của ĐTNC về các hành vi xâm hại tình dục trẻ em chiếm tỉ lệ từ 39,3% đến 96,7%. Trong đó, hành vi “Đưa dương vật, ngón tay hoặc đồ vật vào âm đạo, hậu môn hay miệng của em với mục đích tình dục” được ĐTNC biết đến nhiều nhất (96,7%), tiếp theo là hành vi “hôn hít, sờ mó vào ngực hay bộ phận sinh dục” (89,3%), và “yêu cầu em sờ, chạm vào bộ phận sinh dục của người đó” (88,7%). Tuy nhiên, xâm hại tình dục ở trẻ không chỉ giới hạn vào các hành vi động chạm mà còn bao gồm cả những hành vi không động chạm như xâm hại bằng lời nói, cho trẻ xem văn hóa phẩm đồi trụy, dụ dỗ/lừa trẻ chụp ảnh khỏa thân, v.v. chiếm tỉ lệ từ 39,3% đến 61,3%, trong đó “trêu chọc trẻ bằng lời nói có hơi hướng tình dục một cách quá đáng” chiếm tỉ lệ thấp nhất (39,3%). Điều này cho thấy ĐTNC ban đầu đã hình dung được xâm hại tình dục ở trẻ em là những hành vi trực tiếp xâm hại đến cơ thể trẻ nhưng chưa hình dung hết sự đa dạng của các hành vi xâm hại tình dục của những đối tượng biến thái. Kết quả này của chúng tôi tương đồng với nghiên cứu của Nguyễn Thị Hoàng Ngân [7] khi khảo sát kiến thức, thái độ về xâm hại tình dục trẻ em của học sinh Trường THCS Yên Hòa, Hà Nội năm 2018 ở kiến thức của ĐTNC về XHTD trẻ em thông qua các hành vi động chạm. Tuy nhiên, kết quả của chúng tôi vẫn có sự khác biệt, cụ thể ở những hành vi XHTD không động chạm thấp hơn so với nghiên cứu của Nguyễn Thị Hoàng Ngân. Sự khác nhau này có thể do ĐTNC sinh sống ở vị trí địa lý, đời sống văn hóa, kinh tế, xã hội khác nhau. ĐTNC của chúng tôi là sinh sống ở vùng nông thôn, còn ĐTNC của Nguyễn Thị Hoàng Ngân ở quận Cầu Giấy - trung tâm thành phố Hà Nội nên sự tiếp cận với Internet, truyền thông,... tại nơi ở và trường học phong phú, đa dạng hơn rất nhiều.

3.2.2. Kiến thức của học sinh về thủ phạm xâm hại tình dục trẻ em

Kiến thức của học sinh về thủ phạm xâm hại tình dục được thể hiện ở Bảng 3.

Bảng 3. Kiến thức của đối tượng nghiên cứu về thủ phạm xâm hại tình dục trẻ em ($n = 326$)

Nội dung	n	%
Họ hàng, người quen và thân với em	195	59,8
Thành viên trong gia đình	151	46,3
Hàng xóm, người ở trong thôn/xóm/phường	234	71,8
Người lạ hoặc mới quen	272	83,4
Bạn bè, thầy cô ở trường	65	19,9
Người quen trên mạng	86	26,4
Tất cả mọi người	45	13,8

Kết quả tại Bảng 3 cho thấy, 83,4% ĐTNC cho rằng thủ phạm xâm hại tình dục trẻ em là người lạ hoặc mới quen, 71,8% là hàng xóm, 59,8% là họ hàng và chỉ có 13,8% cho rằng tất cả mọi người đều có thể là thủ phạm xâm hại tình dục trẻ em. Thực tế đối tượng phạm tội ở phần lớn những vụ XHTD ở trẻ em không chỉ là người lạ mà phần nhiều là những người có quan hệ gần gũi với nạn nhân; do vậy thủ phạm có nhiều cơ hội tiếp cận với nạn nhân và thực hiện hành vi xâm hại tình dục. Kiến thức “Thủ phạm XHTD là người lạ hoặc mới quen” trong nghiên cứu của chúng tôi là 83,4%, cao hơn so với kết quả nghiên cứu của Nguyễn Thị Hoàng Ngân [7] (26,95%) và Chigozirim Nlewem (28%) [10]. Trong trường học, bạn bè tiếp xúc nhiều với nhau, thầy/cô gần gũi với học sinh nên nếu những người này sa sút về phẩm chất đạo đức thì hành vi XHTD trẻ em rất dễ xảy ra. Mà ở lứa tuổi vị thành niên các em còn non nớt, thiếu kỹ năng tự bảo vệ mình, lại trong tâm trạng phụ thuộc, tâm lý e sợ thầy cô giáo.v.v.sẽ dễ trở thành mục tiêu tấn công của tội phạm tình dục. Nhưng trong nghiên cứu của chúng tôi chỉ có 19,9% ĐTNC cho rằng thủ phạm XHTD có thể là bạn bè, thầy/cô ở trường. Kiến thức về thủ phạm XHTD của các em còn chưa đầy đủ, cụ thể 26,4% ĐTNC cho rằng thủ phạm XHTD là người quen trên mạng. Trong khi vấn đề rất đáng lo ngại là hiện nay xu hướng tội phạm XHTD trẻ em đang dịch chuyển dần sang hình thức phát tán phim, ảnh khiêu dâm trẻ em qua mạng; đe dọa, tống tiền, lợi dụng mạng Internet làm quen và XHTD trẻ. Kết quả này thấp hơn rất nhiều so với nghiên cứu của Nguyễn Thị Mai Hương [6] khi tìm hiểu nhận thức của học sinh về những hành vi xâm hại tình dục trẻ em qua mạng (từ 58% đến 94%). Vì vậy đây là nội dung quan trọng cần được chú ý trong giáo

dục giới tính, phòng chống XHTD cho trẻ em trong nhà trường, tại nơi gia đình em ở và cần được các bậc phụ huynh biết đến.

3.2.3. Kiến thức của học sinh về những đối tượng bị xâm hại tình dục

Kiến thức của học sinh về đối tượng bị xâm hại tình dục được thể hiện ở Bảng 4.

Bảng 4. Kiến thức của đối tượng nghiên cứu về những đối tượng bị xâm hại tình dục (n = 326)

Nội dung	n	%
Chỉ có trẻ em trai	98	30,1
Chỉ có trẻ em gái	299	91,7
Trẻ em thiếu năng trí tuệ, khuyết tật	87	26,7
Trẻ em ở những gia đình thiếu sự quan tâm	245	75,2
Trẻ em lang thang, cơ nhỡ	159	48,8
Tất cả trẻ em	102	31,3

ĐTNC cho rằng những đối tượng bị xâm hại tình dục chủ yếu chỉ là các bé gái (91,7%), tiếp theo là những trẻ em thiếu sự quan tâm của gia đình, những trẻ em lang thang, cơ nhỡ. Chỉ 30,1% học sinh nhận định rằng trẻ em trai cũng là đối tượng có nguy cơ XHTD rất cao. Antonio Piolanti [2] khi tổng hợp 165 nghiên cứu từ 80 quốc gia trên thế giới đã đưa ra kết quả có 6,1% trẻ em đã trải qua hành vi xâm hại tình dục, trong đó tỷ lệ bé gái bị xâm hại tình dục (6,8%) cao hơn so với bé trai (3,3%). Điều này chứng tỏ trẻ em gái có nguy cơ bị xâm hại tình dục rất cao nhưng không có nghĩa là trẻ em trai không có nguy cơ bị XHTD. Thực trạng xã hội hiện nay không thừa nhận quan hệ tình dục đồng giới và xâm hại tình dục trẻ em ở nam, do vậy các bé trai ít được quan tâm, bảo vệ trong khi các bé trai lại có nguy cơ bị xâm hại với mức độ nguy hiểm hơn trẻ em gái. Trong nghiên cứu về tình hình lạm dụng tình dục ở học sinh phổ thông trung học tại thành phố Nha Trang của tác giả Phạm Xuân Thông [5] cho kết quả có 36,19% học sinh bị xâm hại tình dục, trong đó có 19,33% là học sinh nam và 16,86% là học sinh nữ. Chính vì vậy, nạn XHTD có thể xảy ra với tất cả trẻ em, kể cả trẻ em trai hay trẻ em gái, trẻ em được gia đình quan tâm hay trẻ em bị thiếu năng trí tuệ, bị khuyết tật, v.v. tất cả đều có thể dễ trở thành nạn nhân của hành vi XHTD.

3.2.4. Kiến thức của học sinh về cách ứng phó khi bị xâm hại tình dục

Kiến thức của học sinh về cách ứng phó khi bị xâm hại tình dục được thể hiện ở Bảng 5.

Bảng 5. Kiến thức của đối tượng nghiên cứu về ứng phó khi bị xâm hại tình dục (n=326)

Nội dung	n	%
Phản đối quyết liệt khi có người tìm cách đụng chạm vào vùng kín trên cơ thể	315	96,6
Vờ như không nghe thấy và đi nhanh ra nơi đông người	171	52,5
La hét thật lớn, kêu khóc, cầu cứu, tìm sự giúp đỡ của những người xung quanh	286	87,7
Bình tĩnh, tìm cơ hội sơ hở của kẻ xấu để chạy thoát thật nhanh	298	91,4
Ghi nhớ số điện thoại của cha mẹ, người thân, số điện thoại khẩn cấp để nhờ hỗ trợ	302	92,6
Chia sẻ, tìm kiếm sự giúp đỡ từ những người em thấy tin cậy	249	76,4

Kiến thức của ĐTNC về ứng phó khi xâm hại tình dục đạt kết quả dao động từ 52,5% (Vờ như không nghe thấy và đi nhanh ra nơi đông người) đến 96,6% (Phản đối quyết liệt khi có người tìm cách đụng chạm vào vùng kín trên cơ thể). Ứng phó XHTD trẻ em là sự nhận thức và nỗ lực của cá nhân trẻ nhằm phản ứng lại đối với những hành vi XHTD. Khi trả lời về cách ứng phó của em khi bị xâm hại tình dục cho thấy nhận thức của ĐTNC về cách ứng phó XHTD cao, cụ thể 96,6% “phản đối quyết liệt khi có người tìm cách đụng chạm vào vùng kín trên cơ thể em”. Kết quả này của chúng tôi cao hơn so với kết quả trong nghiên cứu của Nguyễn Thị Hoàng Ngân [7], 96,6% so với 70,2%. Sự khác biệt này có thể do những năm gần đây trẻ em được sự quan tâm của gia đình, nhà trường và xã hội nhiều hơn, thêm vào đó sự truyền thông - giáo dục giới tính rộng khắp trên các nền tảng xã hội, tivi, loa phát thanh, v.v. đã giúp cho trẻ hiểu biết hơn về cách bảo vệ mình tránh khỏi sự XHTD.

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy kiến thức của học sinh về XHTD tuy đúng nhưng chưa toàn diện. Học sinh đã phân biệt được các hành vi XHTD trực tiếp (từ 88,7% đến 96,7%), trong khi đó kiến thức về các hành vi XHTD gián tiếp còn thấp (từ 39,3 đến 61,3%). Có 83,4% các em cho rằng thủ phạm là người lạ hoặc mới quen chứ không biết rằng tất cả mọi người đều có thể là thủ phạm XHTD. Chỉ 26,4% học sinh có nhận thức đúng XHTD còn có thể thông qua mạng Internet, và chỉ 31,3% ĐTNCT cho rằng tất cả trẻ em đều là đối tượng XHTD. Kiến thức về cách ứng phó khi bị XHTD của trẻ tương đối tốt, 96,6% biết phản đối quyết liệt khi có người tìm cách đụng chạm vào vùng kín trên cơ thể.

Từ kết quả trên thấy rằng việc giáo dục kiến thức, kỹ năng cần tăng cường hơn nữa về các hành vi báo động nguy cơ XHTD, cách nhận diện thủ phạm và cách ứng phó khi bị XHTD,... Đặc biệt nhấn mạnh các nguy cơ XHTD qua mạng và khả năng bị XHTD đối với cả hai giới, nhất là các trẻ em trai. Kết quả nghiên cứu cũng giúp các nhà giáo dục xây dựng và đưa vào chương trình giáo dục phổ thông nội dung về những nguy cơ và giải pháp phòng ngừa XHTD trẻ em.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] V. N. Le and T. H. Bui, "Current laws on the prevention and combat of child sexual abuse in Vietnam: Some recommendations for improvement," *Journal of Family and Gender Studies*, vol. 29, no. 5, pp. 82-91, 2019.
- [2] A. Piolanti *et al.*, "Global Prevalence of Sexual Violence Against Children: A Systematic Review and Meta-Analysis," *Jama Pediatrics*, vol. 179, no. 3, pp. 264-272, 2025.
- [3] N. T. Le, "The situation of children suffering from violence and sexual abuse in Vietnam and solutions for prevention and protection", *danchuphapluat.vn*, para.1, November 30, 2022. [Online]. Available: <https://danchuphapluat.vn/thuc-trang-tre-em-bi-bao-luc-xam-hai-tinh-duc-o-viet-nam-va-giai-phap-phong-chong>. [Accessed May 06, 2025].
- [4] Vietnam News Agency, "Experts: Families should speak out against child sexual abuse," *vietnamplus.vn*, para 5-6, March, 14, 2017. [Online]. Available: https://en.vietnamplus.vn/experts-families-should-speak-out-against-child-sexual-abuses-post108679.vnp?utm_source=chatgpt.com. [Accessed July 29, 2025].
- [5] X. T. Pham, "Research on sexual abuse among high school pupils in Nha Trang city," *Journal of Practical Medicine*, vol. 880, pp. 149-153, 2011.
- [6] T. M. H. Nguyen and T. T. Nguyen, "Student awareness of online child sexual abuse and some preventive solutions," *HNUE Journal of Science*, vol. 65, no. 5, pp. 187-196, 2020.
- [7] T. H. N. Nguyen, "Knowledge and attitude towards child sexual abuse among students at Yen Hoa secondary school, Ha Noi in 2018," *Journary of Medical Research*, vol. 129, no. 5, pp. 45-51, 2020.
- [8] T. H. C. Le, "Measures for managing educational activities to prevent and combat sexual abuse for middle school students in Nghe An province," *Vietnam Journal of Education*, vol. 22, no. 4, pp. 34-40, 2022.
- [9] T. T. D. Le and T. T. N. Hoang, *Guidelines for Preventing Child Sexual Abuse, For Middle School Students*. Vietnam Education Publishing House, 2019.
- [10] C. Nlewem and O. K. Amodu, "Knowledge and perception on sexual abuse amongst female secondary school students in Abia state Nigeria," *Research on Humanities and Social Sciences*, vol. 6, no. 17, pp. 74-84, 2016.